

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Hà Thị Tâm

2. Ông: Lò Văn Trục

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa**

Bà: Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh ngày 08/6/1996

Trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện B, Thanh Hóa.

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn Th, sinh ngày 05/10/1989

Trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện B, Thanh Hóa.

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh Th do được mai mối sau đó hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ban Công, huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 31 tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 11/2013 chị sinh con, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần chị đề nghị ly hôn nhưng anh Th không đồng ý, sau đó vợ chồng bỏ qua cho nhau đến năm 2016 chị sinh con Th hai được một thời gian tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay chị xét thấy hôn

nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương nhau vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Hà T Nhung, sinh ngày 14/11/2013 và cháu Hà Thanh Nh, sinh ngày 20/3/2016. Từ khi sinh ra hai cháu sống với gia đình anh Th. Nay ly hôn chị cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng xét thấy từ nhỏ hai cháu lớn lên bên nhau. Chị đề nghị giao hai con cho anh Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 12/3/2025 sau khi biết anh Th đề nghị chị cấp dưỡng nuôi con cho hai cháu 2.000.000đ/tháng, chị có thu nhập 6.000.000đ/ tháng nên đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng/2 cháu.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh Hà Văn Th tại bản tự khai ngày 26/02/2025 và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt trình bày: Anh và chị L tự do yêu đương, tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban công ngày 31/7/2013, quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc sinh được hai con, nhưng đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh thường xuyên đi làm ăn xa nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án không hòa giải xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Hà T Nhung sinh ngày 14/11/2013 và cháu Hà Thanh Nh sinh ngày 20/3/2016. Từ khi sinh ra hai cháu sống với gia đình anh. Nay ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng, hai cháu 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị L đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L, anh Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hà Văn Th.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu cháu Hà T Nhung, sinh ngày

14/11/2013 và cháu Hà Thanh Nh, sinh ngày 20/3/2016 cho anh Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng hai cháu 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L, anh Th đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ban công, huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/7/2013 chị L đã hơn 17 tuổi đủ tuổi kết hôn theo điểm a mục 1 Nghị Quyết số 02/2000/ NQ – HĐTP, ngày 23/12/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000 “*Nam không bắt buộc phải đủ 20 tuổi trở lên, nữ, không bắt buộc phải đủ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn do đó, nam đã bước sang tuổi 20, nữ bước sang tuổi 18 mà kết hôn là không vi phạm về điều kiện tuổi kết hôn*”. Nên hôn nhân của chị L và anh Th được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, chồng đi làm ăn xa dần đến không còn yêu thương, tin tưởng lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Th đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn anh Th.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu là cháu cháu Hà T Nhung, sinh ngày 14/11/2013 và cháu Hà Thanh Nh, sinh ngày 20/3/2016. Từ khi sinh ra hai cháu sống với gia đình anh Th. Ly hôn anh Th và chị L thống nhất giao cả hai con cho anh Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng 02 cháu 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025. Vì vậy giao 02 con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, việc cấp dưỡng từ tháng 4/2025 là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các bên đương sự, nguyện vọng của hai con và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hà Văn Th.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà T Nhung, sinh ngày 14/11/2013 và cháu Hà Thanh Nh, sinh ngày 20/3/2016 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hà T Nhung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), việc cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu T Nhung đủ tuổi thành niên. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hà Thanh Nh mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), việc cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Thanh Nh đủ tuổi thành niên. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/24 số 0003104 ngày 17/02/2025. Chị L còn phải nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Thiết Kế;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã Ký**

**Vũ Văn Nga**



